

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HS-ST

Ngày: 29-09-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Phụng;

Bà Vũ Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thẩm tra viên, TAND tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021, đối với:

*** Bị cáo:** Họ và tên: Giàng B - Tên gọi khác: không, sinh năm 1998, tại huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản P, xã V, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: Giàng C, sinh năm 1976 và bà Thảo Thị D (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 chị, em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo có vợ Lò Thị B, sinh năm 2001 và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 07/4/2021, chuyển tạm giam từ ngày 16/4/2021 tại trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Ông Lê Mạnh H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu. (có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Lò Thị B, sinh năm 2001 (vợ bị cáo); Trú tại: Bản P, xã V, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (có mặt).

+ Ông Trần Văn C1, sinh năm 1978; Trú tại: thị trấn M, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 07/4/2021, Giàng B đi xe mô tô của gia đình, loại xe HONDA Wave RSX màu đỏ đen, đăng ký BKS 25M1-122.66 từ nhà ở bản P, xã V, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu đi đến bản P, xã H, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, mục đích đi tìm mua Heroin về bán kiếm lời. Đến bản P, B có đến một số nhà hỏi mua ma túy nhưng không mua được nên B vào nhà mẹ vợ là bà Giàng Thị M, sinh năm 1965 chơi và xin một bao thóc về ăn. B chở bao thóc đi về nhà, khi đi đến quốc lộ 4H đoạn đường cách bản P, xã H, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu khoảng 100m thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 30 tuổi (B không biết rõ tên, địa chỉ). Qua thỏa thuận, B mua 01 gói Heroine, được gói bằng túi nilon màu trắng với giá 20.000.000 đồng và để vào trong túi áo khoác bên trái đang mặc trên người tiếp tục đi về nhà. Đến 08 giờ 45 phút cùng ngày 07/4/2021, B đi đến Km 285+200 Quốc lộ 4H, thuộc địa phận xã B, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ gói Heroine trong túi áo khoác của B đang mặc, gói vật chứng thu giữ của Giàng B có khối lượng 56,84 gam trích 2,39 gam làm mẫu vật gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 277/GĐ-KTHS ngày 11/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận: Mẫu chất bột khô, màu trắng thu giữ của Giàng B gửi giám định là ma túy, loại: Heroine (không hoàn lại mẫu vật gửi giám định).

Bản cáo trạng số: 49/CT-VKS-P1 ngày 29/8/2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố Giàng B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lò Thị B (vợ của bị cáo B) trình bày chiếc xe máy bị cáo sử dụng là tài sản chung, phương tiện đi lại duy nhất của gia đình, chị không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị xin lại chiếc xe để phục vụ cuộc sống gia đình, gia đình có trách nhiệm trả đủ tiền cho người bán (ông Trần Văn C1); Còn ông Trần Văn C1 vắng mặt có ý kiến trình bày chiếc xe gia đình bị cáo mua của ông chưa trả hết tiền nay đề nghị thanh lý lại chiếc xe cho ông.

Phản luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và khung hình phạt, đề nghị áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về vật chứng, án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với nội dung, quyết định truy tố trong bản cáo trạng, cũng như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt; miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo và xử lý vật chứng vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc để bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo nhất trí và không bổ sung gì với lời bào chữa của người bào chữa.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: người bào chữa đồng nhất quan điểm giải quyết vụ án nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, quyết định về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn C1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ vụ án đã có lời khai đầy đủ của ông C1, việc vắng mặt của ông C1 tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh, quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: khoảng 08 giờ 45 phút ngày 07/4/2021 tại Km 285+200, quốc lộ 4H thuộc địa phận xã B, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu Giàng B có hành vi tàng trữ trái phép 56,48 gam Heroin nhằm mục đích bán kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu phát hiện bắt quả tang.

Hành vi mua ma túy, cất giấu để mục đích bán của bị cáo dù chưa bán kiếm lời được nhưng đã thể hiện hành vi mua, tàng trữ với khối lượng chất ma túy tương đối lớn trong khi bản thân bị cáo không nghiện, đủ kết luận hành vi đó là hành vi mua bán trái phép chất ma túy, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã

xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước ta; Hành vi đó còn ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trị an. Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, nhận thức được tác hại của ma túy và hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi trước mắt bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý. Vậy, có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có hành vi mua bán trái phép 56,84 gam Heroine là phạm vào tình tiết định khung hình phạt “...*heroin* ...*có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố đối với bị cáo về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật được chấp nhận; Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định: “1. *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*. ... 3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm: ... b, Heroine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*”.....

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quy định của pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, hành vi của bị cáo cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, có thể làm gia tăng các loại tội phạm nên cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự nên buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cũng như hậu quả thực tế do hành vi phạm tội của bị cáo chưa xảy ra để giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, tuổi đời còn trẻ, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn nên có phần hạn chế về pháp luật và hiểu biết đời sống, xã hội; hơn nữa hoàn cảnh gia đình khó khăn: vợ trẻ, con quá nhỏ, nhiều khoản nợ nên bị cáo thiếu suy nghĩ nhất thời phạm tội; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo cũng là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo Giàng B, cũng như việc không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền do bị cáo không có thu nhập ổn định, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn là phù hợp, đảm bảo trừng trị và giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng

pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, do đó đề nghị của người bào chữa có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 54,45 gam heroine còn lại sau giám định đã được niêm phong là vật cấm lưu hành cùng mảnh nilon còn lại sau khi xác định khối lượng không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô là công cụ phương tiện phạm tội. Bị cáo sử dụng để đi mua Heroine. Xét thấy khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội gia đình bị cáo không biết; qua xác minh và lời khai của bị cáo, lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất chiếc xe máy là tài sản chung của gia đình chị Lò Thị B, việc gia đình chị B mua xe của ông Trần Văn C1 chưa trả đủ tiền là một giao dịch dân sự, hơn nữa tại phiên tòa chị B cam kết gia đình sẽ trả đủ tiền cho ông Chinh. Do đó, cần trả lại chiếc xe trên cho chị Lò Thị B (vợ của bị cáo) là phù hợp, vì vậy ý kiến của ông Trần Văn C1 đề nghị xin lại chiếc xe là không phù hợp, tại phiên tòa ông C1 vắng mặt. Do đó để đảm bảo giải quyết quyền lợi cho ông C1 cần tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự (nếu ông có yêu cầu) theo Điều 30 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Còn 01 áo khoác cũ đã qua sử dụng màu đen, có khóa kéo màu trắng thu giữ của bị cáo do bị cáo không nhận lại nên tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về án phí: Xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các nội dung khác liên quan đến vụ án: Đối với người đàn ông bán Heroine cho bị cáo Giàng A B, do B không biết rõ tên, địa chỉ nên cơ quan điều tra không xác định, điều tra làm rõ được, vì vậy không đủ căn cứ xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Giàng B phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Giàng B 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 07/4/2021.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu tiêu hủy: 54,45 gam ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, mảnh nilon còn lại sau khi xác định khối lượng và một chiếc áo khoác cũ đã qua sử dụng màu đen, có khóa kéo màu trắng (của bị cáo B).

Trả cho chị Lò Thị B xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX màu đỏ, đen dung tích xi lanh 109,1 cm³, số khung RLHJA3839MY102163, số máy JA52E-0228302, kèm theo một chìa khóa xe.

(Tình trạng vật chứng được mô tả chi tiết như trong Biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu lập hồi 10 giờ 15 phút ngày 07/9/2021).

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng Hình sự tách yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án (ông Trần Văn C1) để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng B.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Trại tạm giam C.A tỉnh;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

